

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 183/2024/HC-PT
Ngày 15 - 3 - 2024
V/v Khiếu kiện quyết định hành chính
trong lĩnh vực quản lý đất đai.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Thanh Dũng

Các Thẩm phán: Ông Phan Văn Yên

Ông Phạm Trí Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Phương Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Hà Văn Hiếu - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 816/2023/TLPT-HC ngày 08 tháng 11 năm 2023 về việc “Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 92/2023/HC-ST ngày 15 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 18/2024/QĐ-PT ngày 31 tháng 01 năm 2024, giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Ông Trần Văn Ph, sinh năm 1975; Địa chỉ: đường Ng, phường H, thành phố P, tỉnh Bình Thuận.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn Ph, sinh năm 1968; Địa chỉ: đường Ch, khu phố 7, phường P1, thành phố P, tỉnh Bình Thuận. (có mặt)

- Người bị kiện:

1/. Ủy ban nhân dân (UBND) thành phố P, tỉnh Bình Thuận. (có đơn xin xét xử vắng mặt)

2/. Chủ tịch Ủy ban nhân dân (UBND) thành phố P, tỉnh Bình Thuận. (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện:

+ Ông Nguyễn Xuân V, Chức vụ: Phó trưởng phòng Phòng Tài nguyên và

Môi trường thành phố P. (có mặt)

+ Luật sư Phạm Thị Minh H – Đoàn Luật sư tỉnh Bình Thuận. (có mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/. Bà Huỳnh Thị Kim H, sinh năm 1978; Địa chỉ: đường Ng, phường H, thành phố P, tỉnh Bình Thuận.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn Ph. (có mặt)

2/. Ban quản lý rừng phòng hộ H

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trịnh Thông Th, Chức vụ: Phụ trách Phòng Kỹ thuật – Quản lý bảo vệ rừng. (vắng mặt)

3/. Ủy ban nhân dân (UBND) phường P2, thành phố P, tỉnh Bình Thuận.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hồ Nhật Tr – Công chức địa chính – xây dựng phường P2, thành phố P, tỉnh Bình Thuận. (có mặt)

- Người kháng cáo: Ủy ban nhân dân (UBND) thành phố P; Chủ tịch Ủy ban nhân dân (UBND) thành phố P, tỉnh Bình Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Người khởi kiện ông Trần Văn Ph trình bày:

Năm 1998, ông Trần Văn Ph và bà Huỳnh Thị Kim H có khai hoang thửa đất có diện tích khoảng 17.000m², tọa lạc tại phường P2, thành phố P, tỉnh Bình Thuận, để canh tác trồng các loại cây ngắn ngày như dưa hấu, bắp, khoai lang, đậu phộng và trồng thêm các cây lâu năm như điều lộn hột. Đến năm 2006 khi Nhà nước tiến hành làm đường nhưng chỉ hỗ trợ tài sản gắn liền với đất mà không ban hành quyết định thu hồi đất, phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho hộ ông Ph. Không đồng ý với việc này, ông Ph đã tiến hành khiếu nại và được Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P giải quyết khiếu nại tại Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu số 6028/QĐ-UBND ngày 18/10/2021, không chấp nhận khiếu nại.

Ông Trần Văn Ph khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết: Hủy Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu số 6028/QĐ-UBND ngày 18/10/2021 của Chủ tịch UBND thành phố P; Buộc UBND thành phố P phải thực hiện việc ban hành quyết định thu hồi đất, quyết định bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho hộ gia đình ông Trần Văn Ph theo quy định của pháp luật.

Người bị kiện là Ủy ban nhân dân thành phố P, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P trình bày:

Thửa đất có diện tích 1,722ha mà ông Trần Văn Ph khiếu nại là đất do Ban Quản lý rừng phòng hộ H quản lý, ông Ph không có tài liệu, chứng cứ nào chứng minh đất này thuộc quyền sử dụng của ông Ph. Chính vì vậy, UBND thành phố P không ban hành quyết định thu hồi đất, quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với hộ ông Ph là có căn cứ. Từ đó, Chủ tịch

UBND thành phố P không chấp nhận yêu cầu khiếu nại của ông Ph, yêu cầu khởi kiện của ông Ph là không có căn cứ pháp luật, đề nghị Tòa án bác yêu cầu khởi kiện của ông Ph.

Tại Công văn số 58/BC-BQL ngày 13/7/2023, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ban Quản lý rừng phòng hộ H trình bày: Qua kiểm tra đối chiếu 16 mốc tọa độ của thửa đất số 4, tờ bản đồ số 6, bản đồ hiện trạng thửa đất do Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai P ban hành ngày 13/3/2023, toàn bộ diện tích 18.517,4m² nằm trong quy hoạch 03 loại rừng theo Quyết định số 09/2001/QĐ-UBND ngày 12/02/2001 và đã được điều chỉnh đưa ra khỏi 03 loại rừng theo Quyết định số 674/QĐ-UBND ngày 13/3/2007 của UBND tỉnh Bình Thuận. Qua kiểm tra hồ sơ trồng rừng được Ban Quản lý rừng phòng hộ P chuyển sang khi sáp nhập, kết quả kiểm kê rừng năm 2015 và dữ liệu điện tử bản đồ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp cho Ban Quản lý rừng phòng hộ H, được ban hành kèm theo Quyết định số 2518/QĐ-UBND ngày 30/8/2016, thì tại vị trí của thửa đất có diện tích 18.517,4m² hiện không có rừng trồng và cũng không cấp quyền sử dụng cho Ban Quản lý rừng phòng hộ H.

Tại Công văn số 367/UBND ngày 04/4/2023, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ủy ban nhân dân phường P2 trình bày: Diện tích 1,722ha mà ông Ph yêu cầu bồi thường về đất là do ông Ph bao chiếm vào năm 2005, căn cứ vào Bản đồ khu vực rừng trồng năm 1994 bị chết khô xin thanh lý do Ban Quản lý bảo vệ và trồng rừng P lập, và xin thanh lý vào năm 2004.

Ngày 16/7/2007, Ủy ban nhân dân phường P2 phối hợp với Ban Quản lý rừng phòng hộ P kiểm tra xác định đất rừng, trong đó có ông Trần Văn Ph và ngày 05/8/2008 Ban Quản lý rừng phòng hộ P (nay là Ban Quản lý rừng phòng hộ H), Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh và UBND phường P2 đã họp thống nhất về tính pháp lý. Tại phần II của biên bản làm việc số hộ tự ý lấn chiếm đất rừng từ năm 2005 trong đó có hộ ông Trần Văn Ph. Hồ sơ thể hiện khi kiểm kê năm 2004 diện tích đất này không có ai sản xuất. Khi kiểm kê năm 2006 thì có cây điều đã được 01 năm tuổi, trong đó có hộ ông Trần Văn Ph. Như vậy, việc Ủy ban nhân dân phường xác định ông Ph bao chiếm vào năm 2005 là có cơ sở. Về cây trồng cần làm rõ là do ai trồng vì theo Bản đồ khu vực rừng trồng năm 1994 bị chết khô xin thanh lý do Ban Quản lý bảo vệ và trồng rừng P lập (hiện trạng keo + đào) và xin thanh lý vào năm 2004. Việc Trung tâm phát triển quỹ đất kiểm đếm chi trả tiền bồi thường căn cứ Thông báo số 134/TB-UBND ngày 17/7/2008 của UBND tỉnh, về việc ý kiến kết luận của Chủ tịch UBND tỉnh tại cuộc họp ngày 10/7/2008, giải quyết vướng mắc trong việc tổ chức triển khai công trình sử dụng quỹ đất hai bên đường ĐT.706B: Hỗ trợ về tài sản có trên đất với mức 100% (theo Công văn số 1700/PTQĐ-QLQĐ ngày 19/10/2020 của Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Bình Thuận).

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 92/2023/HC-ST ngày 15/9/2023, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận đã quyết định:

Căn cứ khoản 2, khoản 4, khoản 9 Điều 3, khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều

32, Điều 116, Điều 157, Điều 158, điểm b khoản 2 Điều 193 Luật tổ tụng hành chính;

Khoản 1, 2 và 5 Điều 50 Luật Đất đai 2003;

Điểm b khoản 2 Điều 48 Nghị định số 181/2004/NĐ-CP của Chính phủ về việc thi hành Luật Đất đai 2003;

Điều 348, Điều 358 Luật tổ tụng hành chính, khoản 2 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

- Hủy Quyết định số 6028/QĐ-UBND ngày 18/10/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P, về việc giải quyết khiếu nại của ông Trần Văn Ph, trú tại Khu phố 1, phường H, thành phố P (lần đầu).

- Tuyên bố hành vi hành chính của Ủy ban nhân dân thành phố P không ban hành quyết định thu hồi đất, quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho hộ gia đình ông Trần Văn Ph là trái pháp luật. Buộc Ủy ban nhân dân thành phố P phải chấm dứt hành vi trái pháp luật và thực hiện nhiệm vụ, công vụ đúng quy định của pháp luật.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 16/10/2023, người bị kiện UBND thành phố P, Chủ tịch UBND thành phố P có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của UBND thành phố P, Chủ tịch UBND thành phố P trình bày người bị kiện vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo; đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn Ph.

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện ông Trần Văn Ph đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của UBND thành phố P, Chủ tịch UBND thành phố P; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về việc chấp hành pháp luật: Hội đồng xét xử phúc thẩm và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng các quy định của Luật tổ tụng hành chính.

- Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết là có căn cứ, đúng quy định pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm bác kháng cáo của người bị kiện; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hình thức: Đơn kháng cáo của UBND thành phố P, Chủ tịch UBND thành phố P làm trong hạn luật định, hợp lệ về hình thức nên được Hội đồng xét xử xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung:

[2.1] Ông Trần Văn Ph khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 6028/QĐ-UBND ngày 18/10/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P; buộc UBND thành phố P ban hành quyết định thu hồi đất, quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho hộ gia đình ông Ph đối với diện tích đất 17.220m² tọa lạc tại phường P2, thành phố P, tỉnh Bình Thuận. Với lý do phần diện tích đất trên gia đình ông Ph khai hoang từ năm 1998 và sử dụng sản xuất nông nghiệp đến khi thu hồi đất để thực hiện dự án công trình đường ĐT.706B và sử dụng quỹ đất hai bên đường năm 2006.

[2.2] Về nguồn gốc đất, theo Báo cáo số 78/BC-UBND ngày 18/12/2007 của UBND phường P2 thì phần diện tích đất ông Ph khiếu nại có nguồn gốc do Ban quản lý rừng phòng hộ P quản lý. Ngày 29/02/2008, UBND phường P2 tổ chức Hội đồng xét tính pháp lý nguồn gốc sử dụng đất đối với hộ ông Ph thống nhất xác định phần đất ông Ph sử dụng là lấn, chiếm đất do Ban quản lý rừng phòng hộ P quản lý (nay là Ban Quản lý rừng phòng hộ H) từ năm 2005. Theo trình bày của Ban Quản lý rừng phòng hộ H tại Công văn số 58/BC-BQL ngày 13/7/2023 thì qua kiểm tra đối chiếu 16 mốc tọa độ của thửa đất số 4, tờ bản đồ số 6, bản đồ hiện trạng thửa đất do Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai P ban hành ngày 13/3/2023, toàn bộ diện tích 18.517,4m² (trong đó có phần đất ông Ph khiếu nại) nằm trong quy hoạch 03 loại rừng theo Quyết định số 09/2001/QĐ-UBBT ngày 12/02/2001; sau đó được điều chỉnh đưa ra khỏi 03 loại rừng theo Quyết định số 674/QĐ-UBND ngày 13/3/2007 của UBND tỉnh Bình Thuận.

Ông Trần Văn Ph cho rằng phần diện tích đất trên do gia đình ông khai hoang từ năm 1998 nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh. Quá trình khiếu nại, khởi kiện ông Ph trình bày về nguồn gốc đất có sự mâu thuẫn; có khi khai thời điểm khai hoang năm 1991 nhưng có khi lại khai thời điểm khai hoang năm 1998. Quá trình sử dụng đất, ông Ph không tiến hành đăng ký kê khai quyền sử dụng đất; không được Nhà nước cấp một trong các loại giấy tờ về quyền sử dụng đất.

[2.3] Thực tế, phần đất trên đã được UBND tỉnh Bình Thuận thu hồi và giao cho quỹ đầu tư hạ tầng và phát triển quỹ đất Bình Thuận thực hiện dự án khu du lịch P2 và hai bên đường 706B theo Quyết định số 1566/QĐ-UBND ngày 10/6/2006. Khi thực hiện dự án, trên cơ sở biên bản kiểm kê đất đai nhà cửa, vật kiến trúc, cây trồng... của Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Bình Thuận ngày 28/12/2007, UBND thành phố P đã ban hành Quyết định số 400/QĐ-UBND ngày 14/3/2014 phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư; trong đó thực hiện bồi thường, hỗ trợ cho ông Ph giá trị cây trồng trên đất. Theo biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 16/02/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận thì phần đất khiếu nại hiện nay có một số cây trồng, cây mọc dại; các tài sản trên đất đã

được UBND thành phố P ban hành quyết định hỗ trợ 100% giá trị tài sản nên người khởi kiện không yêu cầu xem xét, thẩm định.

Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào kết quả kiểm kê ngày 28/12/2007 thể hiện trên đất có 305 cây đào 07 năm tuổi, 116 cây đào 06 năm tuổi, theo kết luận về xác định tuổi cây trồng ngày 27/7/2008 của Sở nông nghiệp và phát triển nông thôn; từ đó xác định ông Ph có quá trình sử dụng đất từ năm 2000, đủ điều kiện để xác định là người sử dụng đất theo Luật Đất đai năm 2003, từ đó chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Ph. Xét thấy, hiện nay cây trồng và tài sản trên đất không còn tồn tại để có căn cứ xác định tính chính xác của kết quả kiểm kê ngày 28/12/2007. Phía người bị kiện cung cấp biên bản làm việc giữa Ban quản lý rừng phòng hộ P, Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Bình Thuận, UBND phường P2 ngày 17/7/2008 xác định hộ ông Ph tự ý lấn chiếm đất từ năm 2005, thời điểm kiểm kê năm 2004 trên đất không có ai sản xuất, thời điểm kiểm kê năm 2006 thì có cây điều đã trồng được 01 năm tuổi. Phần diện tích đất ông Ph khiếu nại nguyên thủy là đất rừng, được giao cho Ban quản lý rừng phòng hộ P theo Quyết định số 09/2001/QĐ-UBND, có nội dung phê duyệt dự án quy hoạch 03 loại rừng tỉnh Bình Thuận năm 2000-2010; trước đó do Ban quản lý bảo vệ và trồng rừng P quản lý, thể hiện tại Quyết định của UBND tỉnh Bình Thuận ngày 30/6/2004 thanh lý 90,67ha rừng trồng năm 1994 bị cháy. Việc ông Ph sử dụng đất thuộc trường hợp lấn chiếm đất rừng do Nhà nước quản lý; quá trình sử dụng đến thời điểm thu hồi đất (năm 2006) chưa được xem là có quá trình sử dụng ổn định, lâu dài; không tiến hành đăng ký kê khai việc sử dụng đất, thực hiện các nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất. Vì vậy, không đủ căn cứ để xác định ông Ph có đủ điều kiện để được công nhận quyền sử dụng đất theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 15 Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ; từ đó buộc UBND thành phố P ban hành quyết định thu hồi đất và bồi thường, hỗ trợ về đất do thu hồi đất.

[2.4] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy kháng cáo của UBND thành phố P, Chủ tịch UBND thành phố P có căn cứ chấp nhận; cần sửa bản án sơ thẩm theo hướng bác yêu cầu của người khởi kiện.

[3] Án phí hành chính sơ thẩm: Ông Trần Văn Ph phải chịu do yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận. UBND thành phố P, Chủ tịch UBND thành phố P không phải chịu.

[4] Án phí hành chính phúc thẩm: Do kháng cáo được chấp nhận nên UBND thành phố P, Chủ tịch UBND thành phố P không phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 241, Điều 242 Luật tổ tụng hành chính;

Chấp nhận kháng cáo của UBND thành phố P, Chủ tịch UBND thành phố P.

Sửa Bản án hành chính sơ thẩm số 92/2023/HC-ST ngày 15 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận.

Áp dụng Luật Đất đai 2003; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, giữ quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn Ph về việc:

- Yêu cầu hủy Quyết định số 6028/QĐ-UBND ngày 18/10/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P, về việc giải quyết khiếu nại của ông Trần Văn Ph, trú tại Khu phố 1, phường H, thành phố P (lần đầu).

- Yêu cầu tuyên bố hành vi hành chính của Ủy ban nhân dân thành phố P không ban hành quyết định thu hồi đất, quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho hộ gia đình ông Trần Văn Ph là trái pháp luật; buộc Ủy ban nhân dân thành phố P ban hành quyết định thu hồi đất, quyết định bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho hộ gia đình ông Trần Văn Ph.

2/. Án phí hành chính sơ thẩm:

Ông Trần Văn Ph phải chịu 300.000 đồng; được khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0008156 ngày 10/11/2021 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Thuận vào phần án phí phải chịu.

UBND thành phố P, Chủ tịch UBND thành phố P không phải chịu.

3/. Án phí hành chính phúc thẩm:

Hoàn trả lại cho Ủy ban nhân dân thành phố P 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp, theo biên lai thu tiền số 0020620 ngày 25/10/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Thuận.

Hoàn trả lại cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp, theo biên lai thu tiền số 0020621 ngày 25/10/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Thuận.

4/. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP. HCM;
- TAND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND tỉnh Bình Thuận;
- Cục THADS tỉnh Bình Thuận;
- Đường sự;
- Lưu.TTPT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thanh Dũng